NĂM THỨ NĂM SỐ 208 208 Thứ năm, 18 tháng 10-1945

TRI TÂN

TẠP CHÍ

Giá 1$20

Ung hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam B

Phong trào chính trị
trong mấy tháng vừa qua

KIẾN-XƯƠNG

TRONG thời gian mấy tháng vừa qua, chúng ta đã được xem những cuộc biến lớn của lịch sử diễn ra một cách chớp nhoáng. Xã hội, thực quả không lúc nào như lúc này, đã biến đổi trong một vài năm bằng một thế kỷ, khiến người quan sát, nếu không có con mắt «nhất mục thập hàng» không thể ý hội được hết những trang sách đang dở gấp.

Sau ngày 9-3 thế lực Pháp đã bị tiêu sạch! Sự ấy không phải do cái binh lực của 2 bên có chênh lệch — (binh lực của Pháp, không phải kém thật) — song đã tỏ một cách rất hùng biện cho khắp thế giới và muôn nghìn đời về sau biết rằng đến ngày hôm ấy là kể liễu cái chính thể thực dân ở trên đất Việt-Nam. Đúng thế, không ai có thể ngờ rằng một chính phủ có quyền lực mạnh tổ chức ở trên xứ này đã hơn 100 năm, lại bị quét sạch một cách gọn lỏn, khốn nạn, đớn hèn và lúc cuối trong khoảng đầy 24 tiếng đồng hồ. Đúng thế, trông bên ngoài, ai không bảo rằng cái hình quyền của nhà Pháp ở đây là rất mạnh, vì đại những lực lượng gấp bội hơn đã tỏ rõ năng lực sinh tồn phấn đấu của ta không sức gì đè nén được. Cái chế độ thực dân, lâm gởi ăn nhờ kia, trách nào không bị rơi rụng trước làn gió Nhật, vì nó đã không ăn sâu rễ được vào «cây Việt nam», và «cây Việt nam» cũng không có cảm tình gì với nó!

Nhưng một con gà dù cắt tiết rồi, vẫn còn dẫy chết và có khi vùng chạy được. Cái chế độ thực dân đã tan rã ấy, còn cố muốn phục sinh lại và khôn hơn Hồn nó nhập vào cả sác rất lớn mập là quân đội Nhật để tái diễn lại cái trò cũ ở Việt nam. Hơn nữa nó lại tá túc vào nội các người bản quốc rất có đức vọng và không phải thiếu tài năng, nhưng rốt cụ, trên đất Việt nam ta đã thấy gì?

1) Một cuộc kháng Nhật gan dạ của dân quân miền bắc 2) và cái thái độ bất hợp tác của dân toàn quốc.

Dư điều kiện nhé, chế độ thực dân, quân lực có, đức vọng có, tài năng có, danh nghĩa có song luật đào thải của xã hội tiến hóa đã định rằng mày chết, thì mày phải chết.

(Xem tiếp trang 15)

Trên chó, dưới chó

ÔNG Ích Khiêm người Quảng-Nam đỗ Cử nhân và làm quan về đời Tự-đức, ông vào ái, võ lược gồm đủ, song phải tính kiêu ngạo, ương ngạnh nên làm quan nhiều phen chắc trẻ. Khi làm Bắc kỳ tham tán quân-vụ đại-thần, có công giẹp được giặc Khách Ngô Côn ở Bắc Ninh, sau phải giáng rồi ra Bắc lập công chuộc tội, lại mắc lỗi mà bị bạ ngục ở Lang-sơn. Mấy năm chìm nổi trong cuộc bể dâu lớn là tại cái tính quá ngạo gây ra. Chẳng thế mà người đương thời có câu rằng :

Nước Nam có bốn gian hùng
Tường gian Viêm giới, Khiêm khùng Thuyết ngu Thiên hạ phải gọi là Khiêm khùng đã đủ tả cái tâm tính của ông ta. Tục truyền rằng : Khi mới đỗ cử nhân, được bổ ra huấn đạo ở một huyện thuộc Thanh hóa. Ông có làm một đôi câu đối dán ở cửa trường rằng :

Nhà đột đôi ba gian, một thầy, một cô, một chó cái.
Học trò năm bảy đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa dưới ươi.

Thực là những lời chua chát để tỏ cái bực mình của một người có tài mà không được đại dụng.

Lại thêm truyện kể sau đây thực là phát hiện được tính khinh đời và giọng mỉa mai, mà xỏ xiên nữa của ông ta. Khi ấy ông làm quan trung kinh, một hôm ông mời các bạn đồng liêu đến nhà đánh chén. Các ông bạn đến đông, sau khi dân nước chu đáo rồi ông sai người nhà bưng mâm, một ông trông vào mâm nói : « Quan bác bày vẽ ra làm gì nhiều thế này. Ông đứng dưới, tay chỏ, miệng đáp : « Bẩm các quan có gì đâu chỉ có thịt chó đấy thôi ạ ! Trên chó, dưới chó toàn chó cả đấy ạ !

Không biết các quan có điềm nhiên mà sơi được bữa thịt chó này không ?

***

Sao không mời một ông Thú y

Tể tướng Tỉ-tú-Mạch nước Đức là một khách hãng tính nết lạ đời với các ông thầy thuốc. Ông ta có tính là không kể bệnh với thầy thuốc đến chữa, mà lại không bằng lòng để thầy thuốc hỏi bệnh nữa. Một hôm ông ta ốm, cho mời một ông thầy thuốc, Thầy thuốc không biết tính ông ta, mới thoạt vào đã hỏi ông ta nhiều câu lắm. Ông bực mình nói rằng : « Ông chữa thì cứ chữa, hỏi gì mà lắm thế ! » Ông thầy thuốc không chút nể nang, đáp hẳn : « Nếu vậy thì ông chỉ việc mời một ông Thú y đến chữa cho ông ». Ông Tể tướng chưa kịp hiểu nghĩa câu ấy, hỏi lại : « Sao lại thế ? » — « Vì rằng các ông Thú-y chữa khách hàng mà không hỏi bệnh khách hàng bao giờ ». Nói xong, ông thầy thuốc bỏ về.

Tuy thế ông Tể-tướng không lấy làm giận sai mời ông thầy thuốc lại, và từ bấy giờ trở đi, chuyên dùng thuốc của ông ta.

***

Pho tượng vỡ

Rodin là một nhà điêu-khắc có tiếng ở bên Pháp về cuối thế-kỷ trước. Một hôm một ông chủ rạp hát cần một pho tượng để bày trong một cảnh, liền viết thư đến ông ta, xin mượn. Nhà điêu khắc cho đem lại bức tượng nhà thi-hào Victor-Hugo một tác phẩm của ông ta, pho tượng đề làm mẫu có tên ký cẩn thận.

Kịch diễn xong, ông chủ rạp hát gửi cho nhà điêu khắc :

« Bẩm ngài buổi diễn vừa rồi, một tên kép vụng về đã đánh rơi pho tượng, vỡ làm ba mảnh. Chúng tôi thực lấy làm áy náy lắm.

Vậy xin ngài làm ơn cho biết rằng ngài dạy bao nhiêu để chúng tôi xin nộp » Nhà điêu-khắc trả lời : « thôi đưa, ông mượn pho tượng, tôi đã biết rằng khó mà pho tượng ấy lại trở về toàn vẹn được. Thực vậy nên tôi cũng định ý là để đem lại biếu ông. Vậy thì ông không phải trả tiền mong gì cả. » Ông chủ rạp trả lời : « Bẩm ngài pho tượng ấy hiện nay ở nhà tôi không vỡ và tôi đã đem bày trong phòng khách xin thú thực rằng tôi thích pho tượng ấy quá, và không biết làm cách nào mà xin ngài được. Lòng bộng rãi của ngài làm cho tôi cảm kích vô hạn..

Nhà điêu khắc lần này không trả lời nữa.

TRỊNH DƯƠNG

Sau « TUẦN LỄ VÀNG » chúng ta nên biết :

VÀNG LA GÌ?

NƯỚC VIỆT NAM CÓ THỂ CÓ BAO NHIÊU VÀNG ?

NGÔ-CÔNG

CHƯA kể số vàng của các tỉnh, của Trung bộ và Nam-bộ, chưa kể số vàng trong ngày bế mạc, riêng 6 ngày đầu dân chúng địa phận Hoàng - Diệu đã cúng 2201 lạng vàng và 2551.600 $ và 9200 tạ thóc trị giá tất cả là 7 triệu đồng.

Tính theo giá quốc - tế trên thị-trường Quảng - Đông chính - thức biết hồi cuối tháng hai vừa rồi, 2201 lạng vàng trị giá 3.847.348$.

Con số ấy đủ chứng rằng : chính thể dân - chủ cộng hòa đã được phần-tử phú-hào Việt - nam ở thủ-đô nhiệt - liệt hoan -nghênh, tín thành, tín-nhiệm và ủng hộ.

Con số ấy đã nói : cuộc cách-mạng dân quyền của dân-tộc Việt-nam, bùng nổ ở thủ-đô ngày 17 tháng 8, trong một cuộc hội họp hàng triệu đồng bào, để phát-biểu khẩu hiệu CỨU QUỐC, chẳng những là hành - động tự - vệ của tầng lớp công nông — cuộc cách-mạng ấy còn là hành - động kiến - thiết của người có của

Con số ấy còn nói : trước việc gây dựng, củng cố và phát - huy nền ĐỘC LẬP, dân-tộc Việt - nam là một khối duy-nhất, không phân biệt giàu nghèo.

Người có sức, giúp nước không tiếc sức.

Người có tài, giúp nước, không tiếc tài, và người có của, cũng giúp nước, không tiếc của.

Xã-hội Việt-nam đã huy - động sức, tài và của để tranh-đấu cho nền Dân-chủ cộng-hòa, để thực-hiện những khẩu hiệu : độc - lập, tự do và hạnh-phúc. Tôi viết : đã huy-động — chứ chưa phải hy-sinh:

Sức tráng - sĩ Việt - nam còn phong-phú.

Tài tinh-anh Việt-nam còn tiềm tàng, và của người giàu Việt-nam còn dồi-dào.

Tất cả những nguyên-liệu kiến-thiết ấy còn đợi được dùng đến và, nếu cần, được hy-sinh cho nền Dân-chủ.

Sức trong Giải-phóng quân mới chỉ là một phần tiên-phong.

Tài trong cơ-quan đề - khiển mới chỉ là một phần tham mưu.

Kết-quả tuần-lễ vàng mới chỉ là một phần của cải nhặt vội trong tư-nang thừa thải.

***

Bình - phẩm kết - quả ấy, tôi muốn mời độc - giả trước hết hãy để ý vào tâm nhiệt-thành của nhà phú-hào, tôi muốn mời độc - giả ghi nhớ những cử-chỉ sốt - sắng để nhận - thức sự duy - nhất của phong-trào Cách - mạng hiện tại.

Rồi sau, nãy để ý đến những con số.

2201 lạng vàng. Con số ấy to hay nhỏ?

Để ước-lượng cho đích-xác, một vài chi - tiết trong kinh - tế Việt-nam cần phải nêu lên ở đây.

Vàng là gì? Từ trước đến nay vàng tăng giảm, luân - chuyển ở nước ta ra sao? Và nước ta có thể có bao nhiêu vàng?

Theo một công - thức tư - bản quốc-tế đang ứng dụng hiện thời, vàng là một thứ của-cải bên cạnh những của chìm và của nổi khác. Công-thức ấy cũng rất phổ-thông ở nước ta. Các bà, các cô (và các ông nữa) muốn biểu-dương sự giàu có của mình, phải đeo vàng. Công - dụng của vàng chỉ có thế. Ngày nào, công-thức kia bị xóa bỏ, ngày ấy thiên - hạ sẽ hết chuộng vàng.

Trong giai-đoạn đô - hộ Pháp, trong nước ta vàng cũng luân-chuyển như những của chìm và của nổi khác, và càng luân chuyển càng bị hao - hụt. Vì nhiều lẽ, tựu-trung có hai lẽ chính :

Lẽ thứ nhất: theo ảnh-hưởng của kinh-tế, trong vòng luân-chuyển, vàng phải tập-trung vào bậc phú-hào, y như nước phải đọng ở chỗ thấp. Tập-trung như thế, vàng có khi phải thay hình đổi dạng mà hao mòn dần đi. Biết bao nhẫn, vàng, xuyến, đã biến thể thành những vật trang-lệ, hoặc trở về hình-thức vàng thoi, vàng nén — rồi lại từ hình-thức này, bị đúc thành những vật trang điểm khác.

Lẽ thứ hai: — và là lẽ hệ-trọng hơn: ảnh-hưởng của chính-trị, kết-quả của cái họa mất nước 80 năm về trước, chính-sách thực-dân Pháp giao độc-quyền buôn vàng cho mộ nhóm tư-bản: Đông-dương ngân hàng, chỉ Đông-dương ngân-hàng có quyền mua vàng do các mỏ khai ra, chỉ Đông-dương ngân-hàng có quyền mua những số vàng lớn ở các tiệm cầm đồ của tư-gia hay của chính-phủ. Vàng Đông-dương ngân-hàng mua được ở hai nguồn ấy, không bao giờ trở về với thị-trường Đông-dương. Vàng ấy đã lần lượt lên đường đi Tây để đến Paris nằm nghỉ tại Pháp quốc ngân hàng. Một người Việt Nam túng tiền, đem vòng xuyến đến tiệm cầm đồ, rồi quá hạn không chuộc nổi, không ngờ đã vô tình tự ý mang vàng để nộp vào kho thực dân: Đông-dương ngân-hàng. Luân-chuyển theo luận-điệu ấy, tất nhiên vàng ở nước ta chỉ có mỗi ngày một giảm.

Nhận rõ như thế, ta sẽ không ngạc nhiên lúc thấy số vàng ở nước ta chẳng còn bao nhiêu. Rồi bởi đó, ta lại càng thấy kết quả tuần lễ vàng ở thủ đô Hà-nội là một tang chứng hùng hiện cho trình độ thống-nhất của nhân-tâm Việt-Nam lúc này.

***

Thực ra, nước ta có thể có bao nhiêu vàng?

Nên nhận ngay rằng: số vàng trong một nước — một nước hoàn toàn độc-lập — tăng giảm không phải chỉ tùy ở sức sinh-sản của những mỏ vàng của nước ấy, nhưng còn tùy rất nhiều ở sức sản-xuất những nguyên-liệu, hóa-phẩm và khí-cụ thiết-dụng của nước ấy, tùy rất nhiều ở việc buôn bán với các xứ ngoài nước ấy.

Trong việc buôn bán với nước ngoài, xuất-cảng và nhập cảng hơn kém nhau bao nhiêu, đều thanh toán bằng vàng. Ai cũng biết vì lẽ đó nên Hoa-kỳ, trước chiến tranh, đã tập trung được 16 ngàn triệu mỹ kim, tính ra là 0gam8886713 x 16.000.000.000 = 14.218 tấn 740 cân vàng - 60 phần trăm tất cả số vàng hiện có trên thế giới (1)

Bên cạnh con số ấy số vàng nhặt được trong tuần lễ vàng, tại Hà-nội, chỉ là một con số tỷ-hon: 37 gam 5 x 2201 = 82 cân 54

Nhưng nếu so sánh với số vàng của nhóm tư bản ngoại quốc to nhất ở Đông-dương (và có lẽ to nhất ở Viễn-đông) Đông-dương ngân-hàng, đã nhặt được ở đây và chưa kịp gửi về Pháp, thì cũng không đến nỗi phải cho là ít-ỏi. Thật thế, số vàng của Đông-dương ngân-hàng tích trữ ở Đà-lạt hiện-thời chỉ có: 215 cân.

Và nếu tôi dẫn ra đây số vàng xứ Đông dương đã lượm được trong việc buôn bán với ngoại quốc, thì hẳn độc giả phải bằng lòng và có thể tự tin nhiều lắm.

Số này rất to, và mỗi ngày một to thêm. Chỉ riêng trong nửa năm 1941 và những năm 1942 và 1943 *một phần ba* số trội của ngoại-thương Đông-dương đã biến thành: 32 tấn 600 cân vàng. Nếu tất cả số trội, nghĩa là 3 phần ba, thì có phải chỉ trong hai năm rưỡi, Đông dương đã có: 32 600x 3 = 97 tấn 800 cân vàng?

Tại sao lại một phần ba, chứ không tất cả? Giải-thích thật kỹ điều này sẽ không khỏi dẫn chúng ta, người đọc và người viết, đi đến những chi-tiết chính-trị phức-tạp, ra ngoài phạm-vi một tuần lễ vàng. Chỉ xin tạm ghi qua rằng: trong những cuộc đàm-phán ba bốn năm về trước, giữa Nhật-bản và Pháp, bọn Pétain, Decoux đã đứng vào địa vị kẻ yếu-hèn và cần cầu công-lý đã nghiêng lệch với những hiệp-ước cưỡng bách.

Thực ra, xứ Đông-dương — trong lý nước Việt-Nam chiếm một phần hệ-trọng — là một xứ giàu nguyên-liệu và hóa-sản. Trong cuộc mậu-dịch quốc-tế, vàng đã

(Xem tiếp trang 20)

1) *Trọng lượng của mỹ-kim, căn cứ vào trọng lượng của lạng quốc tế: 03. 103 cân 31g1034955 và 1653 là 103 = 31g1034955 = 0g8886713*
35 35

GÓP VUI

BA CON VỊT

Năm Kỷ-sửu (1829) ông Trương Quốc Dụng cùng ông bạn họ Trần tới kinh thi hội. Cùng đi có ông cử Nguyễn-khắc-Khoan người làng Tỉnh-thạch, ông cử Hồ-vĩnh-Trinh người làng Chỉ-châu và ông phó bảng Nguyễn-hữu Thường. Khi đến quán trọ Thanh lương thì giời tối, chia nhau vào ở trọ mấy nhà Sáng hôm sau dậy sớm, ông Trần nói đêm qua chiêm bao đến một chỗ, ngồi ở trong nhà trông ra ngoài sân thấy có ba con vịt, rồi có một người từ ngoài đi vào, bắt một con vịt đưa cho ông Trần mà con vịt ấy lại quẻ một chân. Mọi người đều cho là tốt, vì vịt chữ nho là *áp* mà một nửa chữ áp là chữ *giáp* ba con vịt tức là tam-giáp. Khoa ấy ông Trần quả đỗ tam-giáp thật. Khi về vinh quy, ông Trần ông Trương và quan Phó-biểu họ Bùi cùng về Bấy giờ đương độ tháng 7, đi trong quãng đường Hoằng-lễ, gặp trời đổ mưa, nhân gần đường có một cái miếu, ba người cùng vào trú ẩn. Đầy tớ của ông Trương ông Bùi đều vào đấy cả; duy ông Trần có mấy người đầy tớ đi lụt lại sau, không biết ông Trần vào rú trong miếu nên cứ việc đi thẳng. Mọi người ở trong miếu trông ra, thấy bọn họ bỏ cả hành lý, chạy lật đật như đang đồn đuổi cái gì, một lát rồi lại đi. Quãng đường chỗ ấy những đồi núi, cách xóm nhà dân ở khá xa, không có sự chăn nuôi gì. Đến lúc mưa tạnh, mọi người ra đi, đến nhà trọ Hỏa-hiệu; bọn họ đã vào nghỉ ở đấy, hành lý thấy có ba con vịt. Ông Trương chợt nhớ đến chuyện giấc mộng của ông Trần đêm trước, nhân nói « đấy chắc có một con vịt quẻ ». Xem thế thì quả nhiên.

KHÂM-TRAI

ĐỘC LẬP VỚI TỰ LẬP

ĐỘC-lập nghĩa là đứng một mình mà không ai chen cạnh được và duy mình có đặc-quyền đối với mình chứ người ngoài không có quyền gì đến.

Kinh Dịch nói đang thì đại-quá, nghĩa là thời dựng nghiệp lớn phi thường và giấy công lớn khác đời thì bực quân-tử phải độc lập chẳng sợ, đó là nói về một người độc lập. Sách Tuân-tử nói dù đất nước trăm dặm cũng đủ lấy độc lập, ấy là nói về một nước độc lập.

Tự-lập là tự biết đứng lên mà không cần ai thúc dục và tự đứng vững mà không đợi ai đỡ đần. Kinh Dịch nói xem tượng sấm gió nhức-động mà vẫn giữ thường thường, bực quân tử tự lập mà chẳng đổi phương-châm, ấy là bực thánh hiền hào kiệt như ông Thuấn dù gió mạnh sấm chớp chẳng mê; thiên Nho-hạnh nói người học-trò tự lập thì sớm tối cố học, giữ lòng trung tín và ra sức làm việc, ấy là bực nho thật tự lập đáng như của báu trên chiếu để đợi người ta đón rước.

Muốn độc lập mà chẳng biết nghĩa tự lập thì độc lập chẳng vững, biết tự lập mà sẵn nền độc lập thì tự lập càng cao. Ấy độc lập với tự lập có quan hệ đến nhau chẳng những ở hình thức mà lại ở cả tinh thần nữa. Cho nên chúng ta đã độc lập phải nên tự lập mà cố tự lập để giữ độc lập.

TRẦN-HÀM-TẤN

HÀ-THÀNH NHÂM-NGỌ LỤC

(tuồng cổ)

Khái-sinh DƯƠNG-TỰ-QUÁN dịch

Một ông bạn nhân đến thăm tôi thấy chung quanh chỗ bàn g ấy của tôi đều là tủ sách chật nich, khi ra về có dặn bảo. « biết bác là người ham đọc sách, tôi sẽ làm quà ho bác một quyển thú tuyệt »

Quả nhiên, mấy hôm sau, bạn đem đến cho tôi một quyển vở giấy bản, chữ viết tay, bằng văn nôm Tôi đỡ ra thì là quyển « Hà-thành n âm-ngọ lục » mà bạn S. C. đã có nói đến trong Tri-Tân số 192 Tôi liền dịch và cho in dưới đây để các bạn đọc gần quý cùng thưởng thức, nhân tiện xin có lời cảm ơn ông bạn đã tặng ôi món quà quý ấy. — *Ngày 1-8-45*

Xuất đầu (cũng như đáo đầu)

Bắc-cực tinh thần, Nam thiên vũ-lộ
tôi x n d ến tỉ h Hà-Thành Nhâm-ngọ:
Quan tây sang chiếm lấy tỉnh thành,
Chốn phồn hoa nổi đám ch ến tranh,
Thôi cũng lắm chuyện lưu danh thiên-cổ,
Lưu danh thời họ Hoàng quan-lớn,
Dưới nữa là cử Dũng, cử Long,
Đương cơn giáp chiến giao, công,
Cử Dũng đã đao đao (1) tử trận
Cử Long thời cô thân tự phấn,
Phận tuy hèn nhưng tiếng cũng nên khen,
Dư như tiểu đại quan viên,
Thôi tiếng cũng để với Nhĩ Nàng thiên cổ,

Vậy có thơ rằng:

Thân tại đương thời danh tại hậu,
Nhất danh thiên cổ giai bất hủ
Anh hùng kết cục tổng như tư,
Vi đạn vi luân tùy sở ngộ (2)

Anh em k ếm lối trở lại phòng.

Ca một khúc vào, lại hai người đi ra, đều ca một khúc rồi nói:

Anh em kiếm lối đi quét công doanh, phải phép chăng?

Lại ca một khúc:

Dạ, công doanh tôi đã quét rồi, mời quan lớn thăng đường thị sự.

Quan Tổng đốc ra, hát

Hải vân anh khí chung nhân kiệt,
Nàng Lĩnh quang phong hộ sứ thiều (3).

Xưng danh:

Nha trương từ phượng khuyết, thiết kỵ nhiễu long hành 4 vâng mệnh vua ra tổng đốc Hà ninh ngô mỹ tự là Hoàng minh-Viễn, đó cũng là đế vương cố đ ện, việc nhung trù ta phả lo toan, kẻo đến khi ngồi chụt nước chân, lại mang nếng với phường ngoại khấu; vạng chưng hố chủ 5), hại giang sơn vì một chữ hòa, vì bây giờ khôn tự rị tại ta, ngại sau nữa có khi nạp vũ 6); trừ dương tiết xuân thiên chi thủ truyền bản binh sắp lễ, ta đi yết miếu Tôn trung

(Xem tiếp trang 10)

1) *Một con đao*

2) *Diễn nôm:*

Thân một lúc mà tiếng mãi sau,
Nghìn thu thơm để kém ai đâu?
Xưa nay oái nơ anh hùng thế,
Hòn đạn bánh xe khéo giễu nhau.

3) *Nghĩa: khi thiêng hải vân đúc kẻ hiền, ánh sáng Nàng Lĩnh thu doanh sứ*

4) *Nghĩa: bài ngà vâng gió phượng, ngựa sắt diễn thành rồng.*

5) *Đặt để*

6) *Chịu nhục.*

ĐỂ ĐÍNH CHÍNH NHỮNG BÀI VĂN CỔ

Số 89

Ông-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim-Vân-Kiều

(hồi thứ tư) (bài nối)

THÚY Kiều viết xong bức thư đưa cho Thúy-Vân, nghe có người gõ cửa, liền đứng dậy mở cửa, thấy mụ cùng mụ mối vào. Mụ mối làm ra vẻ thân-mật, hỏi rằng : « Có phải cô em này không ? » Thúy-Kiều đáp : « Chính tôi đây ». Mụ mối nói : « Gần đây có nhiều người ở kinh, muốn lấy vợ lẽ, không chịu tốn số tiền lớn, mà tôi lại sợ bọn họ đi lừa, nên tôi không dám tác-hợp. Nay có một người ở Lâm-tri, muốn lấy vợ lẽ chịu xuất tiền, nhưng sợ rằng không biết cô có thuận không nên cậy tôi đến nói chuyện với cô trước ». Thúy Kiều gạt nước mắt thưa rằng : « Người ta đã cam xuất số tiền ra cứu cha tôi và em tôi, thì xin cứ mời người ta đến ». Mụ mối nói : « Nếu chịu như thế, thì chỉ một lời là xong việc. » Nói rồi, mở cửa ra đi. Độ nửa giờ, hãy dẫn một bọn vài người đến ; trong có một người, khăn vân áo đẹp, chào hỏi lễ phép rồi nhìn chòng chọc vào Thúy-Kiều, ngảnh lại bảo mụ mối rằng : « Quả nhiên là con cái tuyệt-sắc ». Lại hỏi : « Cô em biết những tài ngề gì ? » Mụ mối đáp : « Thi, từ, ca, phú, ngũ gì cũng hay, lại giỏi về hồ-cầm ». Người ấy nói : « Tôi có một cái quạt, xin cô một bài thơ » Vừa nói vừa cầm quạt đưa cho mụ mối, mụ mối đưa lại Thúy-Kiều. Thúy-Kiều nói : « Xin ra đầu bài và cho làm vần gì ? » Người ấy nói : « Đầu bài là *vịnh chim minh cưu mùa xuân*, lấy vần *Dương* ». Thúy-Kiều không cần nghĩ ngợi, cầm bút viết luôn một bài thơ như sau này :

Đông phong suy noãn chí.
Bách thảo mụ xuân dương,
Hà sự cưu hoàn vũ ?
Hoa thần dục tẩy trang.

Nghĩa là : « Gió đông thổi hơi ấm-áp đưa lại, trăm hoa cỏ đều tốt đẹp khí dương mùa xuân. Việc gì cam minh-cưu lại kêu mưa ? Có lẽ Hoa-thần muốn ấy nước để rửa trang-đài chăng ».

Đề xong, giao cho mụ mối. Mụ mối đưa cho người ấy. Người ấy nói rằng : « Thơ hay lắm. Còn hồ-cầm thế nào ? xin cho nghe một khúc ». Thúy Kiều đang nóng ruột cứu cha và em, nhưng không dám lộ cái thái-độ ấy ra lấy hồ-cầm gảy một khúc, là *Hồng-nhan oán*, thì tiếng đàn ai-oán thê-thảm, như hạc khóc mà thu, như vượn kêu hang tối : ai nghe cũng rỏ nước mắt. Người ấy nói rằng : « Quả nhiên tuyệt-kỹ. Nhưng tiền sinh-lễ nhiều ít thế nào ? » mụ mối nói : « Cô ấy cốt cứu cha và em, thì không đã năm trăm lạng không xong việc » Người ấy nói : « sinh-lễ quá nhiều chỉ có ba trăm lạng thôi ». Thúy-Kiều nói : « Bán mình mà không xong việc, thì bán mình có ích gì ? » Người ấy nói : « Thế thì tôi xin đưa bốn trăm ». Thúy-Kiều nói : « Không đã năm trăm không xong ». Người ấy bằng lòng năm trăm lạng, rồi hỏi : « Thế bây giờ ai ký giấy ? » Thúy-Kiều nói : « Việc ấy có cha tôi đứng chủ-trương ». Vừa nói vừa ngảnh lại mụ mối mà bảo rằng : « phiền bà đến nhà Chung công, mời cha tôi và em tôi về, đủ mặt giao tiền. Tôi chờ cho cha tôi và em tôi thoát nạn thì tôi đi tha hương ngoại phố, mà có chết cũng cam tâm ». Mụ mối đáp : « Cô nói phải đấy. Đề sáng mai tôi cùng lệnh-tôn lệnh-đệ Chung-công, đến tất cả làm giấy

cho xong ». Nói rồi, mụ mối cùng người ấy đi. Thúy-Kiều bảo mẹ rằng : « mẹ nên cho sửa soạn cơm nước, mang lại cho cha và em tôi, rồi mời cả Chung công đến sáng mai cùng về. Thân mệnh con đều ở trong tay bán ». Vương-bà nghe lời, đem cơm nước đi việc ấy hãy tạm gác.

Nay nói : Thúy-Kiều như ngây như dại, đợi mãi đến năm-sáu tối, không thấy mẹ về, lấy làm buồn lắm, gọi Thúy Vân đến nói rằng : « Em ơi ! sao đến bây giờ mà mẹ chưa về ? Có lẽ đêm nay mẹ ngủ ở đàng ấy chăng ? Chúng ta đi ngủ đi ». Nói xong, thân thể mỏi-mệt, tâm-thần tối-tăm, lăn ở trên giường, để cả áo mà ngủ... Chợt thấy Kim-Trọng ở ngoài đi vào, Thúy-Kiều vội vàng nói rằng : « chàng về đây may lắm, nếu đến ngày mai, thân thiếp đã về người khác rồi ! » Kim-Trọng hỏi : « Tại sao mắc nạn ấy ? » Thúy-Kiều đem những duyên-do mắc nạn và sự-thể bán mình, kể rõ đầu đuôi. Kim-Trọng nói : « Tôi cũng định đi, nghe nàng mắc nạn, cho nên đến thăm. Nếu ba trăm lạng mà xong việc, tôi sẽ cố sức ». Được một lúc, bọn công-sai đem cha và em Thúy-Kiều về, ngồi đầy nhà, hỏi số tiền. Kim-Trọng đứng dậy, nói : « Thúy-Kiều là vợ tôi ; vì tôi đi vắng, nên xảy ra việc này. Nay tôi đã về đây, ba trăm lạng tôi xin đưa. Việc gì mà phải đi xa ? ». Nói xong, lấy bạc đặt ở trên bàn. Chung-công sai làm giấy lĩnh số tiền ấy, tha cha và em Thúy Kiều về. Người ấy nói : « Tôi phí mất bao nhiêu công phu, mới tìm được mối này, nay lại tranh mất ! Dù mấy nghìn mấy trăm tôi cũng có, không để cho bán đem đi » Kim-Trọng giận lắm, cãi rằng : « Người nói như thế, sai hết. Nào ai viết giấy bán cho nhà ngươi, ai làm mối ai làm chứng ? Ngươi gọi cả đến đây xem nào ! » Người ấy xem chứng hợp lý, đứng giậy chạy mất... Thúy-Kiều đứng dậy, lạy cha mẹ bốc lạy, xin chọn ngày thành hôn. Đàn sáo nhã nhạc, đưa vào động-phòng, chợt thấy bọn bắt người và một bọn hung đồ xấu vào động-phòng bắt Thúy-Kiều đem đi. Mặt sau Kim-Trọng cho người đuổi theo bắt bọn ấy, cướp Thúy-Kiều đặt lên mình ngựa, miệng hét to, tay cầm roi quất : ngựa chạy như bay, không thấy bóng người. Thúy-Kiều bảo : « ngựa chạy nhanh như thế, chàng làm thế nào lên được ? Đợi tôi đưa một cành cây, chàng nắm lấy một đầu mà lên ». Nói rồi, cầm một cái gậy đưa cho Kim Trọng. Kim-Trọng chưa kịp cầm thì đã rơi xuống đất. Ngựa lại chạy nhanh như bay, Thúy Kiều toan nhảy xuống, bỗng thấy có người hét lớn rằng : « Không dưng, không được ! Không phải là đất bằng đâu ! Đây là một đống lửa đang cháy rất dữ, ngọn bốc lên cao hàng muôn trượng ! Cả một thân cây kia, toàn là lửa hết ! » Thúy-Kiều giật mình, hồn bay phách tán... Tự-nhiên ở trên cây rơi xuống một cục lửa to bằng cái đầu, lướt qua mặt Thúy-Kiều. Thúy-Kiều kêu to lên : « Chết tôi rồi... » Giật mình, tỉnh dậy, té ra giấc mộng ! Chỉ thấy ngọn đèn lờ mờ, nửa xanh nửa đỏ ! Nước mắt lại chảy quanh : nào chàng Kim đâu ? Chợt thấy Thúy-Vân nằm ngủ bên cạnh, bèn thở giài nói rằng : Mộng này là mộng xấu. Cái đời mình rồi kết-quả cũng như thế ! Chàng Kim ơi ! Chàng Kim ơi ! thiếp với chàng thật là vô duyên ! Rồi khêu đèn viết tám bài thơ, đề là *Kinh mộng giác*, « Giật mình tỉnh mộng » như sau này :

1) Kinh mộng giác, thiểm mao thiết mã đào (điệu) ; thủy hỏa bất tri hà xứ giả ? dĩ tàn áo miễu đảo kiên - điểu, nghĩa là : « Giật mình tỉnh mộng, ngựa sắt ở trong mái rạnh chạy đi ; nào biết nước lửa ở đâu ? Ngọn đèn đã tàn mà cành cũng đã gãy ! »

2) Kinh mộng giác, ngô thả ngung khuy trúc ; trúc quang minh diệt, thúc hàm sắc, hà tằng chiếu kiến tàn trang thúc.

« Giật mình tỉnh mộng, thấy con dơi ngồi góc đòm đèn ; bóng sáng đèn tắt, tự nhiên sinh sắc, sao từng soi thấy bó tàn trang ».

3) Kinh mộng giác, giác cổ thanh bi tráng ; khả liên hồng phấn khứ hà chi ? nhất độ tư lương nhất độ trường,

« Giật mình tỉnh mộng, tiếng trống canh nghe rất bi-ai mạnh mẽ ! Đáng thương cho bạn hồng-phấn bỏ đi đâu ? một hồi nghĩ ngợi, lại một nỗi bùi ngùi ! »

4) Kinh mộng giác, Sâm hoành Đẩu chuyển đảo ; kim dạ thê lương chỉ tác tình, lại triêu phân thả thiên nhai diểu.

« Giật mình tỉnh mộng, Sao Sâm mọc ngang, Sao Đẩu đã quay đến,

(Xem tiếp trang 14)

HÀ-THÀNH NHÂM-NGỌ LỤC

(Tiếp theo trang 7)

Quan hầu ra : dạ, dạ.

Quan thượng vừa đi vừa ca :

Bách chiến gian quan nặng nhất tử,
Nhất hòa cô tức tiện quyên sinh,
Thiên-đường hữu lộ thăng quân-tử,
Đế khuyết vô do kiến lão thành (7).

Nói : đây đã đến miếu trung liệt, để lễ vào ta bái yết tướng công.

Bái và khóc nói : Nhân viễn điểm hình tại, trông miếu môn còn tưởng thấy trung can. Thế sự thiên vạn nan gánh trung nghĩa có sẽ cùng a được. Nấy (8) thân cho nước đã đành rằng kẻ trước người sau, trông giang sơn ruột quặn lòng đau, nghĩ tiên-triết lại càng thêm bối rối. Giờ gặp lúc vân lôi chi hội, vẳng triết nhân biết hỏi cùng ai?

Thượng quan vào, thông ngôn ra ca :

Kỳ thác thử thân du nghịch-lữ
Hoàn dương thụ thế tựu công danh (9).

Xưng danh : Cần khẩu (10) đi mạnh, lãng-sa du khách, chẳng dấu chi thông-sự hai nước là ta; theo « cập tên » từ thuở định thành; trải gian hiểm mới nên thân thế, đường danh lợi bớn bở ra thề, nhưng mà cũng thỏa chí la bà, bạc hoa xoè tiêu kẻ đã « da na » hễ « bia đát » (11) chẳng khỏi tay ta la mat (12) để mỗ kẻ cho ngua một lượt, kể từ Quý đậu chi thu, dẫn quan tây ra tới thành đô, việc lý lộ là công ta tuốt cả. cầm ma lách (13) kiem lõi ta đi hạ chiến thư.

Ca : chơi cho thỏa chí la bà,
Của giời cho đó, da na sẵn rồi.
Chanh bông nó nở trên khuôi,
Bơ tay bẻ lấy ta chơi rẫy vườn.

Đón cửa thành : ai canh trong ấy, ta thông-sự ở ngoài đến thăm, có thư này gửi lại các quan,

Lính canh đệ thư trình rằng : dạ, có thư đến hỏi trình quan lớn mấy lại các quan.

Quan thượng mở thư, sau nói : thế sự thiên vạn nan cơ sự này vẫn biết mấu ra ráng đế, ở, quân này cũng gan tệ, quân này cũng giỏi tệ. Nào phen nầy tao quyết ra uy. Trẻ bay đâu, kíp kíp đi mời các quan hội đồng cho chúng nhé.

Lính nói : dạ, dạ.

Án sát ra nói : Kim chi nhật lệ, phi thạch phong thanh. Tôn Thất Bá tôi lĩnh niết Hà-thành, việc án kiện thực là khó lắm, lo việc nước vườn một lòng chăm chăm, mới ơn vua thừa phạp (14) tỉnh Hà, đó cũng phồn hoa, thôi cũng thỏa chí, xướng ca vi lạc, nào lính tuần sắp vòng đao gươm bạc, đã qua đình quan bố ta chơi.

Vừa đi vừa ca : lầu ca quản, viện thu thiên khói trăm lang các (15) gió lên thảy đình,

Cỏ cây đưa đón dập dình,
Giang sơn khéo cũng thực xinh xinh là.

Quan án vào ; quan bố ra, ca :

Tam phẩm y bào quan lộ đăng,
Lục tuần mi mãn sĩ ban cao.

nói : bình lĩ h th ên cao, Long thành địa tỉnh, trải mấy thu tuy Hà-thành bố chính ; may cũng được sự giản chính khoan, Môn quan vô ư bạch nhật nhàn. Dọn nhà khá h ta ra ngó cảnh.

Quan bố ngồi, quan án vào, nói :

Dạ, bữa nay cũng tạm trần mệnh,
Xin quan lớn đã qua chơi đền-thủy,
Nghe Hải-phòng quan sáu mới lên.

Quan bố nói : mời quan ngồi, rẽ bay sang qua dinh quan tuần-phủ, mời người đã qua ta cùng tỏ Trường nầu, nói quan ăn cũng sang đó nhé.

Quan tuần ra, ca :

Thiên thủy vũ-lộ y bào nhuận,
Địa tiếp giai cù thảo mọc hoa (16)

Xưng danh : địa hữu kỳ ba,
viện cao đường thụ, (17)
Trải mấy thu thự Hà-Ninh tuần phủ,
may bây giờ được lúc thiều ninh,
Sắp vòng lọng a sang chơi quan bố.

Vừa đi vừa ca : ơn vua là đứng danh thần,
Dãy dãy lọc nước, đầm nhuần thiên ân.
Rạng minh là vỏ đai cân,
Thề tuần nhờ ở thánh quân trên đầu.

Quan bố ngồi, nói : mời quan lớn ngồi, trẽ

hay đâu vát mấy mảnh nhà trò, đòi huyện Thọ vô ta nghe hát.

Một ả đào, một quản ca vào, bên đánh đàn, bên hát nghêu ngao, bỗng có người vào bảo:

Tình đồn thủy thơ đâng có việc,
Xin các quan hiệp nghị cho mau,

Quan án nói: có việc chi đâu? Có việc chi đâu? hay là ai có sở cầu chi đó tá?

Nghe Phủ-lý với Thanh-trì còn chưa xong giả,
Việc nầy phải trâu trắng (18) mới song.
Xin các quan cùng tới hội đồng
Ai có chạy, ta hằng cho bẩm-nhiếp.

Đề đốc ra nói: thế oanh lôi điện, uy nhược phong đình. Ta, đề đốc, tên gọi Lê-Chính.

Nghề thao lược kể ra thực giỏi,
May được lúc rồng mây gặp hội.
Lại ơn vua ban ấn nguyên nhung.
Trải mấy phen trúc-hồ sa-long,
Bao nghĩa đảng vỗ tay ta mà hết,
Mào thập bẩu đòi các chánh phó lãnh binh
Tới đây cho hết, để theo ta vô quan thượng hội-đồng.

Bọn võ-quan cùng ca: qua giáp liên thiên, vạn ý tán long phi chi tuyết, cầu bồ động địa tam xuân bản chập chấn chi lôi (19).

Đến dinh quan Thượng, đề-đốc nói: dạ, có việc chi? dè các quan tới đã vô hiệp nghị.

Quan Thượng nói: Mời các quan ngồi, hôm qua oan-thủy, thư-tây lên, ra ý bội hòa, ở quân mày ta quyết không tha, xin các quan chỉnh binh mà rồi ra ta đánh.

Quan Tuần nói: chớ, chớ vi chiếu mạnh, hôm nam xưa đã có chỉ hòa, vì hãy g ở sinh sự tại ta, nại quốc thị thậm la bất tiện. Cứ tôi sở kiến, còn non chẳng tùy ý các quan?

Quan bố nói: dám bẩm các quan, quan tuần nói nhậm ta phải, xin các quan ta nghị hòa mà đừng nghị chiến.

Quan án nói: Vua sai tôi chế một nghề xử hiện,
Ấn sát đâu có biết việc binh.
Quan lớn trừ có muốn hưng binh,
Việc ấy đã quan đề với quan bố chính.
Việc đâu có đó, tôi xin về cứu ấn cho xong.
Hễ mai ta bày tiệc thưởng công,
Bắt được giặc thời phần tôi kết ấn.

Quan Thượng nổi giận nói: nói nghe quá ngán, nói nghe quá ngán! việc quân cơ đã phải hội đồng,
Ngài phải ở mà tính cho xong,
Toan án tháo mần răng cho đặng.
Còn quan đề ngài nghĩ đó mần răng?

Quan đề nói: dạ, nó đã ra chừng bội nước,
Quan lớn chẳng tôi mưu đánh,
Quan lớn thời ở trong thành coi binh,
Tôi xin ra ngoài cho tiện sắm phòng.

Quan đề dạy ra, các quan cùng ra cả. Quan Thượng nói: đòi cử Dũng, cử Long tới lập tức cho ta hỏi đó.

Người hầu: dạ, dạ.

nói: Vâng anh cử Dũng cử Long,
Tới lập tức lệnh quan ngài đòi đó.

(Còn nữa)

DƯƠNG TỰ QUÁN

---

7 *Dịch nôm:*
Thác thiên ải người trăm trận đấu,
Sống thưa giấy kỳ một câu hòa.
Nhà giời có tối lên quân-tử,
Cửa thanh khó ng đâu thấy tướng già.

8) *Ủy liên*

9) *Diễn:*
Ra đời khéo lựa theo thời,
Quan sang lộc trọng nữa rồi đến lấy.

10) *Cửa Cần-giờ*

11) *Là do chữ pirate: giặc.*

12) *Là do chữ la marche là đi đánh.*

13) *bởi chữ camarade là anh bạn.*

14) *Khuyết*

15) *gác mái*

16) *nghĩa: trời xuân mưa móc cân đai đẹp, đất đặt phố phường giống mà tươi.*

17) *nắt có hoa lạ, chỗ viện có cây cam đường*

18) *là nên bạc.*

19) *giáo và áo giáp đầy giời, muôn dặm tung dâm tuyết rồng bay, chẳng nhóm nhỏ động đất, ba quân vang tiếng sấm sâu đậy*

Hạnh Thục Ca

của NGUYỄN THI BÍCH

Số 9 — *Ưng-hoà* NGUYỄN-VAN-TỐ

Việc tôn vừa mới thảnh thơi,
Thị oai Tây lại trở bài mạn khinh.
Khiến mau dẹp súng trên thành,
Với nơi Mang-cá, tận hành ban di (1).
Nếu mà chấp nhất (2) chẳng nghe,
Gây ra hấn-khích (3) chỉn e nan trì (4),
Hiếp lấn, Tây đã chẳng vì,
Chọc gan, Tôn-Thuyết chiến-cơ quyết rày.
Huống chi địa chấn (5) điềm bày,
Trời đà khiến vậy ta nay sợ gì? (6)
Phen nay phấn lực dương uy,
Truyền quân cơm gạo, sắm đi sẵn sàng. (7)
Văn-Tường khôn nỗi khuyên can,
Nghĩ làm lời dụ xin ban giải hòa
Dụ rằng: « Ai nhịn chăng là,
« Ý lời ngỗ đặng thuận hòa mới an.
« Bằng còn ỷ thế quá ngang,
« Thì ta sẽ liệu quyết đáng hơn thua ».
Ân cần dụ chỉ phân phô
Vâng nghe tạm hãy để cho yên rày.
Riêng lo e việc chẳng may,
Đất bằng sóng dậy có ngày tai ương.
Viễn-đồ trước mới liệu phương,
Lập nơi Tân-sở, tính đường vững chân.
Bao nhiêu bảo vật kim-ngân,
Chất vào đầy gánh, dần dần đem đi.
Chỉn là thận mật cơ nghi,
Việc làm, rồi mới tâu trì Thánh-từ.
Dụ: « Nay nhà-nước gian nguy,
« Cũng nhờ phụ-chính trước vì lo toan.
« Sao cho xã-tắc điện an (8),
« Ấy là chẳng phụ Tiên-hoàng thác cô (9).
Gửi rằng: « Hết sức mưu lo,
« Biến thông tùy thế, hãy dò lần theo.
« Bằng nay rất đỗi chao-lao,
« Chống xe, tay chấu, nghĩ điều chắc chi ».
Nhẫn (những) lo bàn bạc cơ nghi,
Tháng năm mười chín, Bắc-kỳ Tây vô.
Tin truyền trước dọn lộ-đồ,
Lại cùng nhặt hến, chực đò sửa sang.
Rằng: « Nay tới yết quân-vương,
« Đem thư tặng hảo ngỗ tường giao lân »
Tới nơi sứ quán dừng chân,
Mời hai phụ-chính đến phân sự tình.
Văn-Tường trước đến một mình,
Trình rằng « Tôn-Thuyết chưa lành bệnh nay ».
Nghe lời ấy đó đã hay.
Rằng « Đau phải gắng tới rày mới nghe.
« Nếu mà cự cưỡng không đi,
« Quyết rày bắt quách, chẳng vì chẳng tha ».
Cả triều kinh hãy lo ba,
Nay mà chẳng thuận, đặt ra sự rày.
Cùng nhau kíp tới khuyên nay (nài),
Xin vì nhà nước đặng may khỏi nghèo.
Khuyên can chúng thầy hết điều,
Cất thầm, Tôn-Thuyết dậy liền nửa đêm.
Phen này may rủi thử xem,
Đã đành có trú quyết thầm đánh vây.
Chẳng cho ai biết ai hay (10),
Cũng chẳng tâu-đạt một tay thiện-hành.
Chiến công đều Phấn-nghĩa-binh,
Chỉn dùng nhẫn (những) phúc tâm minh mà thôi.
Chắc chi bẻ nạng (11) chống trời,
Hay là làm chước thoát nơi lửa thành.
Hay làm bất-ý rình lanh?
Hoạ là may đặng công thành tiên-cơ.
Thất kinh ai nấy hồn phi,

Đêm khuya nào biết sự vì làm sao.
Quanh-co hơ-hải cùng nhau,
Lệnh truyền gác cửa, hỏi mau cho tường.
Giờ lâu mới thấy gửi sang,
Rằng : « Nguyên ở đó thị cường bắn lên,
« Ta nay không lý điềm-nhiên,
« Phải toan cự-địch hư nên nhờ trời ».
Ầm ầm tiếng súng khắp vời,
Khói ùn mù đất, lửa ngời loè mây.
Canh tư thắng phụ chưa hay,
Canh năm nghe báo rất may mừng lòng.
Binh-đài thu phục đã xong,
Lầu Tây đang đốt, lửa chong bốn bề.
Phen này Tây ắt phải về (12),
Ngửa nhờ trời đất phù trì làm thay.
Nói cười chưa kịp dơ tay,
Phải liền sáng nổ đạn bay kinh hồn.
Ai ngờ Tây rất quá khôn,
Để ta bắn trước, thầy luôn nép đi.
Ơ ta dại chẳng biết cơ,
Nhẫn mà (đến khi) hết sức dương ngư bắn dồn.
Liệu chừng thuốc đạn đã mòn,
Dậy lên Tây mới thành-môn bắn vào :
Dường như sấm sét ầm-ào,
Dẫu là núi cũng phải nao huống thành !
Quân-ta khôn sức đua tranh,
Đem nhau trốn chạy tan-tành bao trôi.
Bấy giờ trời đã sáng rồi,
Văn-Tường liền khiến gửi lời tâu xin.
Khiêm-cung nay phải ngự liền,
Lánh nơi phào đạn chẳng nên trễ tràng.
Vua tôi hoảng-hốt vội vàng,
Hỗ (13) phò thánh-giá một đoàn kíp ra.
Tới nơi cửa hữu xem qua,
Hai bên lê-tuất, (14) trẻ già quá đông.
Chen nhau dìu-dắt mang bồng,
Chực theo Tử-giá (15) thoát vòng nguy giạn.

Việc tấn-tôn hoàng-thái-hậu vừa xong, người Tây lại cậy oai-quyền trở những thói khinh-rể ngạo-mạn, bao nhiêu súng ống ở trên thành và ở Đang-cá bắt đọp ngay đi hết. Nếu mà cố-trấp không nghe, thế tất sinh ra hiềm-khích, khó lòng giữ nổi. Người Tây đã không kiêng nể gì, cứ lấn hiếp mãi, Tôn thất Thuyết lại trên gan chọc tức, gây ra chiến-tranh. Huống chi lại sinh ra những điềm xấu như nạn động đất : thế là trời đã bắt phải như vậy, thì ta còn sợ gì ? Phen này cố sức ra oai, truyền cho quân lính đem lương ăn đi sẵn sàng. Lúc bấy giờ Nguyễn-văn-Tường cũng không can nổi, mới nghĩ sẵn lời « dụ chỉ » rồi xin vua ban chiếu gửi hòa. Dụ chỉ rằng : « Ai lại nhịn được những ở chỉ lấn hiếp ấy, nhưng các người phải y lời dồ cho được hòa thuận thì mới yên. Nếu mà người Tây còn ý thế làm những điều ngang trái quá, thì lúc ấy ta sẽ quyết một trận hơn thua ». Lời dụ chỉ ân cần rành mạch, nên đình-thần cũng phải nghe để cho tạm yên. Nhưng chỉ lo riêng rằng sợ vận không may, như đất bằng mà sóng dậy, thì có ngay bị tai họa, nên mới liệu đường lo xa, lập nơi Tân-sở để tính đường vững chân. Bao nhiêu của cải vàng bạc chất vào đầy gánh đem đi dần dần. Mưu cơ rất là cần-mật, vong vận rồi, mới tâu lên thái-hậu biết. Thái-hậu dụ chỉ rằng : Nước nay đang bị kẻ gian-ngụy phải nhờ phụ-chính lo toan trước đi, làm sao cho xã-tắc được yên, ấy là không phụ cái

1) Ban đi là dời đi chỗ khác
2) Chấp nhất là cố chấp không thay đổi.
3) Hiềm khích là ý không hợp nhau.
4) Nan trì là khó chống giữ.
5) Địa chấn là động đất.
6) Phấn lực dương ngư là cố sức đường ngư.
7) Câu « Văn-Tường khôn nỗi khuyên can », bản chữ nôm của trường Bác-cổ sao được, có phê một câu rằng : « Vị tất phi Văn Tường dụng tâm mà » nghĩa « Chưa chắc đã không phải chỗ dụng-tâm của Nguyễn-văn-Tường
8) Điện an là yên ổn.
9) Thác cô là gửi con bỏ côi.
10) Câu « chẳng cho ai biết ai hay », bản nôm phê 4 chữ nho rằng : « Chuyên lòng quyền quá tâm ! »
11) Câu « Chắc chi bẻ nạng chống trời » bản nôm phê 2 chữ « đích thị » nghĩa là « Chính thế ».
12) Câu « Phen này Tây ắt phải về », bản nôm phê 2 chữ « khả tiếu » nghĩa là « Đáng cười ».
13) Hỗ nghĩa là theo sau, thường dùng vào nghĩa đi hầu Vua. Thánh-giá là xe vua hoặc mặt vua.
14) Lê thất là dân đen đầu.
15) Tử giá là xe của vua.

tấm lòng của tiên-đế (Tự-đức) ủy-thác ». Đình-thần tâu rằng: « Chúng tôi hết sức lo toan, phải tùy thời-thế mà biến thông, rồi hãy dò-la dần-dần. Hiện nay đương lúc cheo-leo, cũng như châu-hấu chống xe có lấy gì làm chắc ». Vua tôi đang bàn-bạc cơ-mưu, thì Tây đã lấy Bắc-kỳ vào ngày 19 tháng 5 (năm 1884). Lại có tin truyền ra rằng dọn đường xá và sửa sang những bến đò, để cho sứ Tây vào yết-kiến vua ta, có đem quốc-thư và đồ tặng lễ, để hai nước giao-hiếu. Sứ Tây tới nơi thì nghỉ ở sứ-quán, mời hai phụ-thần sang để điều đình, thì Nguyễn-văn-Tường đến một mình, nói rằng Tôn-thất-Thuyết bị bệnh chưa khỏi. Người Tây nghe vậy, dọa rằng: « Đau cũng phải gắng mà đến thì mới xong việc, nếu có ý chống cự không chịu đến, thì quyết là bắt cho được, chứ không vì-nể nữa ». Cả triều-đình lo sợ, nếu không nghe họ, tất là sinh sự rắc-rối, mới cùng nhau vội vàng đến khuyên nài rằng: « Xin vì việc nước mà đến cho, may ra khỏi được hoạn nạn », khuyên can đủ cách kết đều. Tôn-thất-Thuyết quyết định nửa đêm đi liều nghĩ bụng rằng: « ở xem mày rủi thế nào, đã đành rằng tạm-trú rồi sẽ tìm cách giải vây. một mình tự tiện làm chẳng cho ai biết mà cũng chẳng tâu, chỉ điều kiện một đội quân Phấn nghĩa và mấy người tâm-phúc mà thôi. Chắc chỉ cái lối bỏ mang chống trời, hay là cái kế lánh nạn cho khỏi vạ lây, hay là lối đánh úp trong khi bất ngờ, lọa may thành công chăng. Ai ai cũng thất-kinh rụng rời, vì đêm khuya, nào biết sự tình ra sao? Cùng nhau bất hơi tất bải, có lệnh truyền gác cửa và hỏi xem đầu đuôi thế nào? Đợi giờ lâu mới thấy tâu rằng: « Nguyên ở đó thì bùng bùng lên, không có lý ta lại điềm nhiên, phải ra tay chống với giặc. còn được hay thua thì nhờ trời » Rồi thì sáng nổ ầm ầm, khói bay mù đất, lửa cháy ngất trời. Canh tư thì chưa rõ bên nào được bên nào thua, đến canh năm thì nghe báo có tin mừng rằng: « Trấn-binh-đài đã lấy lại được lần Tây đang đốt, lửa cháy cả bốn mặt ». Lại mới rằng. « Phen nay Tây tất phải về, thật là nhờ trời đất phù trì cho ». Nói nói cười cười chưa hết trở tay, tự nhiên có sáng nổ, đạn bay rất kinh khủng, ngờ đâu người Tây rất khôn ngoan, để cho ta bắn trước, họ chỉ nấp đi một chỗ; quân ta dại chẳng biết gì, tưởng thế là được, đem hết sức bình sinh ra thì vô dương cai. Họ hiệu chừng thuốc đạn mình đã hết, mới nổi lên bắn vào cửa thành. Đương tự nhiên như sấm sét đu ào, dù là nói cũng phải đổ, huống chi là thành. Quân ta không đủ sức đua tranh, phải đem nhau trốn chạy tan tành như bèo trôi. Lúc bấy giờ trời đã sáng, Nguyễn-văn-Tường sai người vào tâu xin thái-tạo và vua nên phải lánh nơi pháo đạn ngay, chứ không nên chậm trễ. vua tôi vừa hoảng hốt vừa vội vàng, kẻ bẩm người tớ một đoàn tế tùng thánh-giá đi ra. Tới cửa hữu ngó lại xem, thì hai bên đường nào già nào trẻ đông quá, kẻ mang người dắt, kẻ ẵm người bồng, chạy theo xe nhà vua đi lánh nạn.

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tài liệu để đính chính...

(*Tiếp theo trang 9*)

đêm nay vắng vẻ chỉ thấy bóng sao, sớm mai đã chia tay thuỷ-thủ ở chân giới ».

5) *Kinh mộng giác, trắc tiêu phong bãi thác; nhiễm nhiễm y y tự A-Nùng, phiêu phiêu đẳng đẳng vô trước lạc,*

« Giật mình tỉnh mộng, gió lay ngọn trúc lung lay u ẩn-ẩn thở-than tựa A-Nùng, trôi trôi giạt giạt không bấu víu! »

6) *Kinh mộng giác, tử-qui đề đạ bán, huyết lệ trinh nhân thôi xuất môn, bất tri qui khứ hà ta hoàn?*

« Giật mình tỉnh mộng, Chim tử-qui kêu nửa đêm, nước mắt của kẻ trinh-nhân giục ra cửa, không biết ngày nào về. tui gọi làm gì? ».

7) *Kinh mộng giác, điền đề tàn nguyệt lạc, thiên hôn địa ám sầu trầm thảm, lệ lãnh phong thê nhân tịch-mịch (mạc),*

« Giật mình tỉnh mộng, chim kêu mặt trăng tàn rụng xuống, trời đất tối tăm lòng sầu thảm, sương gió lạnh lùng người vắng vẻ ».

Phong trào chính-trị

(Tiếp theo trang 2)

Ngày 19-8-45 cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Chớp nhoáng không kém gì trong mấy ngày dân Việt Nam đã làm được 2 cuộc cách mạng lớn lao nhất.

1·) Cách mạng dân tộc giải phóng đánh đổ chế độ thực dân, để đi đến chỗ hoàn toàn độc lập.

2·) Cách mạng nhân dân (lật đổ cái chế phong kiến xuống để thực hiện toàn dân chính trị).

Về cuộc cách mạng giải phóng, chúng ta đã phải chiến đấu với quân Nhật, và quân Pháp.

Về cuộc cách mạng nhân dân, thì ngọn cờ cách mạng mới giơ lên; khâm sai đã từ chức Hoàng đế thoái vị, nội các giải ngoũ và các địa phương các hàng quan liêu thì nhau rời như sung rụng.

3, Kinh mộng giác tòng thanh đề tác đào, nhĩ biên tự tố tương tư điệu, tâm thượng nghi văn oán hận cao,

« Giật mình tỉnh mộng, tiếng thông reo thấp như tiếng sóng, bên tai nghe như kêu gào điệu tương-tư, trong lòng lại ngờ rằng khúc oán-hận cao ».

Thúy-Kiều viết xong, không đi ngủ nữa, chỉ khóc mà thôi. Về sau thế nào, xem hồi tiếp theo (Lược dịch theo *Kim-vân-Kiều-truyện* của *Thánh-tâm tài-nhân*, bản sao trường Bác-cổ số A953, từ tờ 41b đến 47a)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Thực là một cuộc cách mạng không tiền khoáng hậu. Một cuộc cách mạng văn minh nhất không những do sự giác ngộ của phái cách mạng mà do cả sự giác ngộ của đối phương, cho đến cái người cũ nhất trong chế độ cũ, người phong kiến nhất trong chế độ phong kiến cũng gia nhập hàng ngũ cách mạng. Đúng như câu :

« *Lấy cần câu mà đánh giặc* »

Chính nghĩa đã thắng được hung tàn và chí nhân thay cho cường bạo ».

Còn cuộc tổng đấu phiếu nào sác thực và hùng biện hơn để cho giới, cho đất, cho nhân loại, cho thế giới, cho cả kẻ và hậu thế biết rằng cái dân tộc này nhiệt liệt muốn độc lập và giữ lấy chính quyền mà cuộc cách mạng nhân dân của ta là do sự thỏa thuận đồng tình của toàn quốc nhân dân, chứ không phải do một sức mạnh nào đưa đến. Đi sem những cuộc cách mạng Pháp; Nga, Tàu, chúng ta có thể tự hào là đã văn minh và giác ngộ hơn.

Nền độc của chúng ta vừa được nêu lên thì này đây con gà cắt tiết — cái chế độ thực dân ở Nam bộ — lại cố cựa lấy một lần nữa. Lần này sức nó đã tàn rồi, song nó cố dựa vào cái thế lực cũng sắp tàn của phái bộ thực dân Anh để dạp một cái khoảng không, như chó sủa giăng khi đêm vắng.

Đồng bào hãy đứng cả lên, đập cho chết hẳn, cái chế độ thực dân. Lần này nó không đủ điều kiện, như với quân Nhật đâu. Với phát sít Nhật ta còn đập được thì nay quật nốt cho nó chết ngấm để nó không tái hiện được nữa bằng bất cứ cách nào ! Và đồng bào hãy coi chừng, thấy nó hoi bào hiện nơi đâu, cũng phải bóp ngay cho tắt thở. Những hình thức xuất hiện của nó, ta đã nhận thấy trong những giai đoạn Pháp Nhật thuộc vừa qua.

Cái luật tiền định của lịch sử đã đến kỳ thực hiện rồi. Chúng ta đi theo cái luật ấy chúng ta phải thắng.

Thất bại đã in vào trán những quân đi ngược lại, trào lưu, dù khoẻ đến đâu, khoẻ đến như phát sít Đức Nhật cũng không bơi ngược được dòng lịch sử.

KIỀU KƯƠNG

BÁO MỚI

— KHÁNG ĐỊCH — cơ quan tuyên truyền của Việt-Minh — Nghệ-An mỗi số 0 $ 80

— QUYẾT CHIẾN — Thanh hóa

— CHIẾN ĐẤU ở Thanh-Hóa.

TƯƠNG LAI ở Hanoi.

— QUÊ HƯƠNG ở Huế.

— DÂN QUYỀN ở Hanoi.

— DÂN SINH tuần báo ra ngày thứ bảy — chủ nhiệm : Dương-v-Mẫn Tòa báo : 72. Phố [illegible] Hanoi — mỗi số 1$00

Xin giới thiệu với các bạn đọc mấy tờ báo mới và xin cố lời chào mừng các bạn đồng nghiệp mới.

TRI TÂN

BÀN GÓP VÀO VIỆC THẢO HIẾN PHÁP

TRÚC-KHÊ

Sau khi phá tan được xiềng xích ngoại thuộc, sau khi lật đổ được chính thể quân chủ, Chính phủ Dân chủ Cộng hòa đã thành lập với sự hoan hô nhiệt liệt của dân chúng Việt Nam. Vừa nắm được chính quyền vào tay, buổi đầu kiến thiết, quốc gia còn có biết bao nhiêu công việc bề bộn rộn ràng, nhưng Chính phủ đã nghĩ ngay đến việc khởi thảo một bản hiến-pháp là căn bản nền chính trị của một nước dân chủ. Vì thế mà một hội đồng khởi-thảo hiến-pháp đã thành lập tại kinh-đô mới. Những người sung vào hội-đồng này, dĩ nhiên phải có đủ những tri thức về chính trị, để làm cái việc trọng đại ấy của quốc gia ấy thác. Tuy nhiên, bắc bản hội đồng cũng sẵn sàng thu nạp những ý kiến của mọi người trong nước đối với việc thảo định hiến pháp, có như thế thì hiến pháp thảo ra nó càng được đúng hợp với dân nguyện hơn. Nay tôi xin lấy tư cách một người trong quốc dân, có những ý nghĩ gì về việc thảo định hiến-pháp, xin đem bàn góp ra đây, để hoặc có thể giúp ích cho công việc ấy trong muôn một.

Nghị hội xin chỉ đặt một viện

Nghị-viện các nước phần nhiều có hai, như Thượng-nghị-viện, Hạ-nghị-viện, hay Quý-tộc-viện, Thứ-dân-viện. Song xét ra đặt ra hai viện như thế, không có ích gì mà chỉ thêm nát chuyện mỗ một nghị án. Hạ viện đã quyết định rồi, lại phải đưa lên Thượng-viện để xin thông qua, thường đình đang hao phí thì giờ vô ích mà có khi lỡ cả công việc. Không những vậy, lại còn để một khoản tốn phí cho ngân sách hằng năm. Chi bằng chỉ cứ đặt một viện, thiết tưởng cũng đã đủ để làm việc rồi. Xét ra những nước người ta đặt ra hai viện, một khi họ là nước quân chủ, vua với dân tranh quyền nhau, cho nên vua riêng đặt ra viện Quý-tộc để chống với viện Thứ dân. hai thì họ là nước liên bang, mỗi bang đều riêng có cả quyền, cho nên ngoài cái viện chung nghị là đại biểu của quốc dân, lại đặt ra viện Tham-nghị để họp những đại biểu của các bang nữa. Nhưng ở nước dân chủ cộng-hòa của mình ngày nay, xét ra không cần phải đặt ra hai viện như vậy.

Các cơ quan hành chính không đặt trưởng quan.

Chính-phủ Dân-chủ Cộng-hòa thành lập, đã bãi bỏ hết những trưởng-quan ở các cơ quan hành chính mà đặt ra chế độ ủy-viên. Chế độ ấy rất hay, xin cứ giữ mãi như thế này, không bao giờ lại đặt những chức trưởng-quan như trước nữa. Không những ở tỉnh phủ huyện không đặt trưởng-quan, cứ giữ chế độ ủy-viên như hiện tại, mà ngay cái cơ quan hành chính tối cao ở trong nước là chính-phủ, cũng xin bất tất phải đặt chức Tổng-thống làm gì. Dân mình mấy nghìn năm nay, ai nấy mê dắm về cái mộng vua quan, đến nay cần phải gột trừ cho sạch để đưa khuynh hướng của dân chúng vào một con đường sống chính đáng. Ngôi vua tuy đã bỏ rồi, nhưng nếu lại đặt chức Tổng-thống để làm nguyên thủ của nước, những người dân ngớ ngẩn, họ sẽ coi đó cũng tức là ông vua, chỉ khác là ông vua ấy không cha truyền con nối mà thôi. Nếu có người hỏi không đặt Tổng-thống thì trong một nước ai là người đứng đầu những khi trong nước cần phải có một người làm đầu? Xin thưa: Đã có viên ủy trưởng trong cái ủy-ban nhân dân tối cao ở trong nước, tức là viên chủ-tịch chính-phủ như Hồ Chủ-tịch bây giờ vậy.

Bỏ hết phủ châu để lập làm huyện cả.

Hiện giờ, bên dưới mỗi tỉnh, khu-vực chính-trị có những cái tên như phủ, huyện, châu, tuy tên khác nhau nhưng đối với tỉnh đều ở vào địa vị đồng đẳng chứ không như xưa phủ được lĩnh huyện, lĩnh châu nữa. Đã là đồng đẳng

thì sao không dùng một cái tên chung mà chỉ cho khỏi lộn xộn vậy xin đổi gọi là huyện tất cả cho tiện.

Đất cát trong nước nên để làm của chung của nước.

Người ta bảo rằng chế độ tư hữu là cội rễ của muôn tội ác loài người cắn nuốt nhau, đâm chém nhau, đều bởi ở đó mà ra cả. Thực vậy, nhất là tư hữu về đất cát càng là một sự vô lý lắm. Đất cát ở trong một nước, bao lõ phải ra, nó phải là của chung vĩnh viễn của tất cả mọi người trong nước, ấy là chưa muốn nói rộng đất cát ở trên địa cầu phải là của chung của những người có mặt ở trên địa cầu. Chỉ có cách thổ địa quốc hữu để cho tất cả mọi người trong nước đều được nhận lãnh một phần mà cầy giồng lấy sống, mới có thể là công bằng được. Song từ đã bao nhiêu năm nay, người ta để cho đất cát trong nước thành ra của tư hữu, nay nhất đán sung công, chắc là chính phủ chưa muốn làm cho mất lòng dân như vậy, nhưng cũng cần phải định cách nào để thu lại dần dần, chẳng hạn như định một giá tiền để chính phủ mua lại ruộng đất của dân, khiến cho có một ngày rất gần, thổ địa thành ra công hữu hết.

Hạn chế số tài sản để lại cho người thừa kế

Không có cái gì làm hư hỏng nhân cách người ta bằng những cái di sản tiền rơi bốc đống. Thật vậy, nếu ta để ý nhận xét, sẽ thấy một phần lớn những con nhà giàu sẵn có của nả chú cha mẹ để cho, đều thành ra một hạng phế nhân ở trong xã hội. Họ sẵn ở trong tay một cái sản nghiệp không phải tốn chút mồ hôi nước mắt gì mà có, họ tiêu dùng hay hoặc, họ sống cho cực thoả thuê về đời sống vật chất, dĩ chí có kẻ suốt đời chỉ sống như con lợn, không còn biết làm một việc gì. Không làm lụng mà được ăn dùng lại ăn dùng một cách kiêu xa, thiên hạ còn có cái gì bất công hơn như thế nữa không? Sở dĩ có sự bất công ấy, chỉ vì người ta đã không nghĩ đến sự hạn chế di sản. Nay, muốn cho xã hội không có cái hạng phế-nhân ấy, muốn cho người trong xã hội ai đã có sống có ăn thì phải có làm, tưởng không gì hơn là hạn chế di sản. Phàm nhà hào phú khi mệnh một đi chỉ được để của cho con có chừng mực, quá một cái số hạn nhất định nào đó thì của ấy phải đem sung công để làm những việc ích lợi công cộng cho xã hội quốc gia.

Phải quy định về quyền sinh-tồn và quyền lao động của dân chúng

Người ta sinh ra, ai cũng có cái quyền được sống, vậy cái quyền ấy, phải được phép luật của quốc gia công nhận. Dưới chế độ thực dân, chế độ tư bản, người mình bao kẻ thật muốn sống mà không thể sống, cho nên đã phải chết đói chết rét, chết vùi chết lấp ở đầu đường xó chợ trong khi người khác có vô số thóc tích tiền thừa. nay trong hiến-pháp phải minh định về cái quyền sinh tồn này, như là mỗi người được thao cái nhu yếu về sự sống của mình, có thể thỉnh cầu những cái tư liệu kinh - tế vừa cho sự sống, như là những kẻ vị thành niên, phải được hưởng sự giáo dục thuộc về nghĩa vụ của chính - phủ, như là những người tàn tật, già yếu, phải được hưởng sự cứu tế cho no ấm.

Đã cái quyền lao động là phàm những người có năng lực làm việc mà bị thất nghiệp, có quyền thỉnh cầu với chính phủ cấp cho việc làm để lấy lương ăn.

Phải thừa nhận quyền tham chính của phụ nữ

Từ xưa đến nay, không cứ ở nước ta mà ở cả nhiều nước khác quyền lợi của phụ nữ bị bóc lột sạch, hết thảy pháp luật, chính trị, kinh tế, đạo đức, giáo dục, phong tục, tập quán, đều lấy con trai làm trung tâm, người con gái không có chút địa vị gì. Nay chúng ta đã tam cách mệnh để đánh đổ cường quyền, mà trong hàng ngũ cách mệnh, phụ nữ nước ta cũng tham gia rất nhiều, vậy hiến pháp nước ta ngày nay sắp định ra, nhất định sẽ thừa nhận cái quyền tham chính của phụ nữ. Phụ nữ phải được tham chính để họ được hưởng đầy đủ quyền lợi như nam giới, không phải chỉ để đền cái công chiến đấu của họ, chính là để trả cho họ cái nhân quyền thiên phú tự nhiên.

Cực lực khuyến khích sự học chữ quốc-ngữ.

Muốn làm cho sự khuyến khích này có hiệu quả, hiến pháp nên định sau một thời gian ấn định, sẽ tước quyền bầu cử của những người dưới 60 tuổi mà không biết chữ quốc ngữ.

Đó xin đem mấy cái ý kiến thô thiển, bàn góp vào việc thảo hiến pháp ; nếu sau có thêm ý kiến gì sẽ lại tuỳ bàn.

TRÚC-KHÊ

KỊCH DÀI BẰNG THƠ

Yêu-Ly

(hay là « Yêu-Ly nương sức gió »)

LƯU-QUANG-THUẬN

SỐ 6

Yêu Ly

Không, ta sẽ dùng mưu sang Khánh-kỳ,
Ta sẽ dụng đường kim đưa sợi chỉ :
Kế trá hàng ? ta bày chước khôn sâu.

Ngô hạp Lư

Kế trá hàng ? Khánh-kỳ chứ ai đâu !
Ngô biết gã đa nghi lắng nổi tiếng,
Tham mưu sĩ lòng sâu tơn đầy giống
Đừng mong chi luồn lỏ tới sang nơi.
Mà dẫu cho ta đến cạnh được người,
Vị-tất dễ dễ đạt thành mục-đích.
Khánh-kỳ vốn sức muôn người khôn địch,
Một tay từng xô-xích khối thiên-cân,
Ở sang nơi rồi họa-hồ bất-thành...
Còn một nỗi không người đâu dám nhận.
Một sứ mệnh nghèo nghèo không giới-hạn.

Yêu-Ly

Cho Ly đi, Ly sẽ giết tay thù,
Đem tài hèn Ly báo đáp ơn sâu

Ngô-hạp-Lư

Nghe lời nói tự can-trường như sắt,
Lòng tôi quá ngạc-nhiên rưng nước mắt.
Nhưng đi làm sao ? Mà xử-sự làm sao ?

Yêu-Ly

Sức Khánh kia dù dũng mãnh ngàn nào
Chẳng qua chỉ con người trên cõi thế
Người có thể thì đây Ly có thể
Đa thước gươm trừ nổi kẻ cừu-nhân
Miễn cho Ly hầu Khánh-kỳ đến gần,
Ly xin nguyện thi sức hèn một chuyến
Việc không khó như vá trời lấp biển.

Quân-Sư

Nhưng làm sao sang đấy khỏi Yêu-Ly

Yêu-Ly

Ngài lỗi lầm sao ? Cho đi thì đi.
Lòng đã muốn, ắt là chân có cánh.
Trăm vi-dụ lưu đời trong sử-sách

Quân-Sư

Nhưng
Làm thế nào Khánh-kỳ đẹp lòng nghi ?

Yêu-Ly

Khổ nhục-kế thi hành ngay nội nhật :
Vợ con tôi, Ngô hãy đem giết phứt,
(mọi người sửng sốt
Yêu-Ly điềm nhiên nhắc lại :)
Vợ con tôi, Ngô-hầu đem giết phứt
Và thân tôi, chặt đứt cánh tay này.
Rồi một khi khổ nhục-kế đã bày,
Dẫu thần-toán, Khánh kia liền lâm-kế,
(Một chốc im lặng)

Ngô-hạp-Lư

Nhưng Yêu Khanh ơi, lòng Ngô đâu nỡ để
Cho Yêu-Khanh thân-thể hóa hư tàn,
Vì Ngô này mà cửa nát nhà tan
Và thê tử xuống làm ma chín suối !

Yêu-Ly

Tình mới nặng với Ngô hầu một buổi
Nhưng lòng hèn đã ghi mối ơn thâm
Ngô chúa ơi, khi việc lớn toan làm

Ta sá kể ra chi điều nhỏ mọn.
Sầu việc nghĩa cho Ly làm nên trọn,
Vợ con Ly dù thác cũng cam lòng
Nếu dễ dàng mọi sự hãy lo toan
Thì Ngô có cần đâu kẻ sĩ
Dù mất vợ con, lòng Ly xét kỹ :
Đem giang-san một mối trả nhà Ngô,
Yên lê-dân, minh-công vững cơ-đồ
Hồn thê-tử cũng cười vui dưới mấm
Còn xương thịt quý đâu bằng nghĩa lớn
Thiếu chi người vô-dụng dả tay chân ?
Việc đang làm, dù thịt nát xương tan
Cũng đâu sá thân này vai nhỏ mọn

Ngô-hạp-Lư

Lời nghĩa-khí đủ lòng gang dạ thép
Ngộ nghe qua nguồi những tưởng trong mơ
Yên Khanh-ơi, bây giờ đến bao giờ
Cho gặp thế được người như tiền hữu !..
Lòng nghĩa-sĩ Ngô nghe tuy đã hiểu
Nhưng phần vận còn chưa rõ mưu thần
Dùng một tay mà giết được chúa-nhân.

Yêu-Ly

Tay một cánh nhưng lòng Ly chẳng nhúng,
Dù Khanh-kỳ sức muôn phần vũ-dũng,
Giả được chàng dùng một chút mưu-thôi,
Sá nhút nhơn thì nhứt thủ đủ rồi,
Trừ Khánh-kỳ hai tay thừa thãi lắm !
Ly đã quyết xin đi lời ít dám
Cam-đoan cùng Ngô-chủ sẽ nên công.
Nếu mệnh trời khiến việc lớn không xong
Thời mai một thân này cam sá kể.
Lo tính mãi, e bàn lâu việc trễ.
Xin Ngô-hầu truyền lịnh cắt tay Ly,
Và đồng thời đem giết vợ con Ly.

Quân sư

Còn ngơ-ngẩn như chưa ra khỏi mộng.

Võ tướng

Lòng nghĩa-sĩ như ngọc vàng muôn đống

Yêu Ly

Ngài khen Ly nghe giống mỉa-mai Ly.
Xin thi-hành nhục-kế cho Ly đi.
Ngô hầu chẳng tin Ly sao luống-lự ?

Ngô-hạp-Lư

Người tự-cổ lai kim trong khắp xứ,
Yêu khanh ơi ! . . . . .

Yêu Ly

Ly là kẻ rắn mày,
Xin Ngô hầu truyền thị vệ xuống tay

Ngô hạp Lư

Lòng sao nỡ ?

Yêu Ly

Chúa công mưu việc lớn.

Ngô-hạp Lư

Yêu khanh ơi, lòng ta đau đứt đoạn

Yêu-Ly

Muôn dân tài hùng xã tắc sắp nghiêng
Giữ sơn-hà Khánh Kỳ muốn trừ yên,
Chúa hôn hôi Ly đã trình mưu kế.
Cờ muôn thuở, pháo bay xe phải thế.
Kẻ không lam Ly dẫu được yên-thân
Nhưng nghĩ giang-san đau xót muôn phần.
Lòng trộm nghĩ : dạ ngài anh-nữ lắm.

Ngô-hạp-Lư

Ta đến đây để chạm hòa máu thắm,

Yêu Ly

Máu vui mừng được chảy giúp non sông

Ngô-hạp-Lư

Ta đến đây để giết vợ hại chồng . . . .

Yêu Ly

Toàn trung-nghĩa chết vì nhau cũng thỏa
Rồng muôn gốc tề vào đâu chiếc lá
Việc sơn-hà sao chúa quá ai-bi

Ngô hạp Lư

Thôi-quân hãy . . . . .

Yêu Ly

Vào bắt vợ con Ly

Ngô-hạp Lư

Giải ôn-tồn ra nhà sau

Yêu Ly

Hãy giải đi
Lời chúa phán đáo quân mau thừa-mạng

Kẻ tả

Thừa mạng (cầm gươm ra nhà sau)

(*Còn nữa*)

LƯU-QUANG-THUẬN

SÁCH CẤM

Những sách có tên sau đây đều bị cấm lưu hành bán và tàng trữ trong toàn cõi Việt-Nam :

— *Đặng* thúc Liêng và Hồ văn Trung : *Pétain cách-ngôn.*

— Sogny : *Les grandes familles de l'Annam*

— Gouvernement général de l'Indochine : *Souverains et notabilités de l'Indochine*

— N. D. X. *Đội quân cảm tử Nhật*

— Phạm Quỳnh : *Nouveaux essais franco-annamite*

— Nguyễn tiến Lãng : *Indochine la douce*

— C. Cho : *Uông-tinh-Vệ thí*

Bất cứ ai bị nhà trong cuộc xét thấy các sách cấm trên đây sẽ bị truy-tố trước tòa án.

VÀNG LÀ GÌ ?

(Tiếp theo trang 5)

chạy đến Đông-dương rất nhiều. Nhưng, như đã nói ở trên, cái họa mất nước đã khiến quốc-dân ta không được trông thấy số vàng ấy. Với độc quyền phát hành giấy bạc, với độc-quyền chỉ-huy kinh-tế, nhóm thực-dân Pháp Đông-dương ngân-hàng đã chiếm lấy tất cả số vàng mậu dịch quốc-tế, cũng như tất cả số vàng đã khai ở các mỏ ra, để tung vãi trên thị-trường Đông-dương một mớ giấy vụn.

Nhưng cũng may, của qui nhất đời : Độc Lập, ta đã lấy lại được rồi, thì trong tương-lai gần đây việc lấy lại số vàng thực-chất của giấy bạc Đông-dương ngân-hàng cũng sẽ chỉ tùy ở ta, tùy ở sức tranh-đấu của hết thảy các tầng-lớp trong nước, để thực-hiện một nền độc-lập hoàn-toàn, kể cả nền độc-lập tài-chính.

Bảo rằng : chẳng dám ba năm nữa, người Việt-Nam sẽ tiêu xài bằng một *đồng-vàng-thực* để tăng giá-trị cho đồng-vàng-giấy (chỉ-tệ) và đồng-vàng-số (số-tệ), cũng có lẽ đáng. Nhưng bảo rằng nếu muốn, Chính-phủ Dân-chủ Cộng-Hòa Việt-Nam — cũng chỉ trong dăm ba năm nữa — sẽ có thể trả lại cho quốc-dân số vàng đã cống vào quỹ tuần-lễ vàng thì chắc chắn không sai, vì Quốc-gia ngân-hàng của nước Việt-Nam sẽ có thừa một số vốn-kim nhiều gấp mười lần để trả lại.

NGÔ CÔNG

TRI-TÂN TẠP-CHÍ
RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 208

Phong trào chính trị trong mấy tháng vừa qua — *Kiến-Xương*

Góp vui — *Khâm Trai — Tinh Phong*

Vàng là gì ? — *Ngô-Công*

Độc lập với tự lập — *Trần hàm Tấn*

Hà thành nhâm-ngọ lục (tuồng cổ I) — *Dương tự Quán*

Tài liệu đính chính văn cổ (LXXXIX) — *Nguyễn-văn-Tố*

Mạnh thực ca (IX) — *Ứng-hòe*

Bàn góp vào việc thảo hiến pháp — *Trần Khê*

Kịch yêu-ly (VI) — *Lưu-quang Thuận*

GIÁ BÁO

Một năm	55 $.00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 *phố* Đông Tân — *Hà-nội*

Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng

Vũ-ngọc-Cừ 40, phố Đông kiều — Hải-dương

T.T.T.C.V.H. : Do nghị định số 18 ngày 8 tháng 10 năm 1945 của ông Bộ trưởng bộ Nội Vụ

Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng — Nhà in Tri-Tân số 95—97 phố Đông Tân Hanoi